

Số: 8032/BSR-VP HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 12 năm 2025

V/v công bố Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh
một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất
kinh doanh năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn
 - Mã chứng khoán: BSR
 - Địa chỉ: số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
 - Điện thoại liên hệ: 0255 3825825 Fax: 0255 3825826
 - Email: dhcd@bsr.com.vn
- Nội dung công bố: Ngày 25/12/2025, Hội đồng quản trị BSR thông qua Nghị quyết số 5345/NQ-BSR về việc phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/12/2025 tại đường dẫn <https://bsr.com.vn/>, chuyên mục Nhà đầu tư.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên (Công bố điện tử);
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban: KTĐT, TCKT, QTNL, PCRR, KTNB;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 5345/NQ-BSR ngày 25/12/2025;

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT



Hạng Anh Minh



NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn ban hành theo Quyết định số 2710/QĐ-BSR ngày 17/4/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 1408/NQ-BSR ngày 23/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 1717/NQ-BSR ngày 16/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn;

Căn cứ Nghị quyết số 11453/NQ-CNNL ngày 16/12/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc Chấp thuận điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch năm 2025 của các đơn vị thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 115-CV/ĐU ngày 23/12/2025 của Đảng ủy Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của BSR;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 5242/TTr-BSR ngày 18/12/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần lộc hóa dầu Bình Sơn,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (BSR) với các nội dung như các **Phụ lục** đính kèm.



Các nội dung khác không điều chỉnh, được thực hiện theo Nghị quyết số 1717/NQ-BSR ngày 16/5/2025.

Điều 2. Tổng Giám đốc chỉ đạo các Ban chức năng/ Văn phòng/ Chi nhánh trực thuộc Công ty, Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác và đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các công việc tiếp theo, theo đúng các nội dung được phê duyệt tại **Điều 1**, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Ban Giám đốc Nhà máy, Người phụ trách quản trị Công ty, Chánh văn phòng, Trưởng các Ban chức năng/Chi nhánh trực thuộc Công ty và Người đại diện của BSR tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCH Đảng bộ BSR (đề b/cáo);
- TV HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Ban GĐNM;
- Các Ban/Chi nhánh;
- Lưu: VT, VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bùi Ngọc Dương

PHỤ LỤC 1
PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT
ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN
LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN (BSR)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 5345 /NQ-BSR ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần lộc hóa dầu Bình Sơn).

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 (NQ số 1717/NQ-BSR ngày 16/5/2025)	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh	Ghi chú
I	Sản lượng				
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	6.687.406	7.609.441	
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.625.148	7.570.000	
II	Tài chính hợp nhất				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	114.654	137.043	
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	837	3.013	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	752	2.710	
4	Năng suất lao động bình quân	Tr đồng/ người/tháng	4.958	6.266	
5	Tiền lương bình quân		29,5	46,7	
III	Kế hoạch Công ty mẹ				
III.1	Tài chính Công ty mẹ				
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	54.482	57.960	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	114.447	136.800	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	829	3.000	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	746	2.700	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	1,4%	4,70%	
6	Năng suất lao động bình quân	Tr đồng/ người/tháng	6.137	7.312	
III.2	Thực hiện đầu tư				
1	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.740	1.188	
-	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	1.403	966	
-	Đầu tư mua sắm thiết bị	Tỷ đồng	338	222	
-	Đầu tư góp vốn vào đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-	-	
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	1.740	1.188	
-	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.740	1.188	



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025 (NQ số 1717/NQ-BSR ngày 16/5/2025)	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh	Ghi chú
-	Vốn vay + Khác	Tỷ đồng	-	-	
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	1.740	1.188	
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.740	1.188	
b	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	-	-	
III.3	Chỉ tiêu lao động và thu nhập				
1	Số lao động bình quân trong kỳ	Người	1.554	1.559	
2	Quỹ lương người lao động và Ban điều hành	Triệu đồng	609.885	997.246	
3	Quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng, Ban Kiểm soát	Triệu đồng	8.554	18.089	

Ghi chú: Các nội dung khác không điều chỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 1717/NQ-BSR ngày 16/5/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của BSR.



PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2025 ĐIỀU CHỈNH CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN (BSR)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 5345/QĐ-BSR ngày 25/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch 2025 điều chỉnh			Ghi chú
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
										Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng công (A+B)								37.023,5	22.464,6	14.558,9	1.188,0	1.188,0		
A	Đầu tư xây dựng cơ bản								37.023,5	22.464,6	14.558,9	966,4	966,4		
I	Dự án chuyển tiếp								37.023,5	22.464,6	14.558,9	961,0	961,0		
1	Dự án nhóm A								36.397,3	21.838,4	14.558,9	732,8	732,8		
-	Dự án nâng cấp NMLD Dung Quất	NMLD	117.000 thùng/ngày	2015	2028	968/QĐ-BSR	28/3/2024	BSR	36.397,3	21.838,4	14.558,9	732,8	732,8		
2	Dự án nhóm B								531,8	531,8	-	184,2	184,2		
-	Xây dựng bổ sung bể chứa dầu thô cho NMLD Dung Quất hiện hữu	NMLD	65.000m3	2023	2026	2648/QĐ-BSR	25/07/2024	BSR	531,8	531,8	-	184,2	184,2		Thanh toán 6 đợt gói thầu EPC; Chi phí TV QLDA, TVGS, Tư vấn thẩm tra
3	Dự án nhóm C								94,5	94,5	-	44,0	44,0		
-	Xây dựng hàng rào bảo vệ mặt bằng mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất	NMLD	5430 md	2022	2025	5718/QĐ-BSR	19/9/2023	BSR	7,7	7,7	-	1,5	1,5		
-	Xây dựng nhà đào tạo huấn luyện an toàn	NMLD	400m2	2022	2025	5613/QĐ-BSR	11/9/2023	BSR	5,6	5,6	-	4,2	4,2		Bổ sung giá trị chậm thanh toán từ năm 2024
-	Lắp đặt các thiết bị trao đổi nhiệt để thu hồi nhiệt từ dòng condensate đầu vào của D-3201 của phân xưởng U-32 nhằm tiết kiệm năng lượng	NMLD	phần xưởng	2022	2025	4877/QĐ-BSR	22/12/2022	BSR	9,6	9,6	-	2,0	2,0		Bổ sung giá trị chậm thanh toán từ năm 2024
-	Xây dựng nhà cố định cho nhân sự vận hành hiện trường thay thế container tạm tại phân xưởng U33/U57 và 6 nhà cố định thay thế cho container chứa dụng cụ tạm tại các khu vực	NMLD	232m²	2019	2025	3141/QĐ-BSR	28/08/2024	BSR	12,1	12,1	-	7,5	7,5		Dự án bị chậm tiến độ, chuyển mốc thanh toán cuối sang KH năm 2026

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch 2025 điều chỉnh			Ghi chú
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng số	Trong đó					
										Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
-	Lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho các kho vật tư tại khu vực P7	NMLD	hệ thống	2022	2025	105/QĐ-BSR	12/01/2024	BSR	5,9	5,9	-	3,6	3,6		Bổ sung giá trị chậm thanh toán từ năm 2024
-	Lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt để thu hồi nhiệt từ dòng sản phẩm LGO của phân xưởng CDU	NMLD	phân xưởng	2023	2025	5719/QĐ-BSR	19/9/2023	BSR	15,0	15,0	-	3,1	3,1		Bổ sung giá trị chậm thanh toán từ năm 2024
-	Nâng cấp mở rộng trạm xuất xe bồn hiện hữu cho các sản phẩm DO, Jet A1 (dự án điều chỉnh)	NMLD	hệ thống	2024	2025	2725/QĐ-BSR	31/07/2024	BSR	38,6	38,6	-	21,4	21,4		Dự án bị chậm tiến độ, chuyển mốc thanh toán cuối sang KH năm 2026
-	Dự án lắp đặt hệ thống nhập nguyên liệu bổ sung cho RFCC qua bến 1&2 và kết hợp giảm tải xuất hàng ADO qua bến 3&4 cảng Jetty	NMLD	hệ thống	2023	2025							0,6	0,6		Chi phí lập BC NCKT +chi phí thẩm tra + thẩm định
II	Dự án chuẩn bị đầu tư											5,4	5,4		
1	Dự án nhóm A														
2	Dự án nhóm B											5,4	5,4		
-	Đường dây đầu nối và trạm biến áp 110 kV NMLD Dung Quất	NMLD	TBA ngoài trời, đường dây 110KV và trạm điện	2021-2026	2026							3,1	3,1		Chi phí lập BC NCKT +chi phí thẩm tra + thẩm định + 02 Gói thuộc hạng mục BT, GPMB thực hiện trước
-	Đầu tư Trung tâm NCPT tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	12500m2	2023-2027	2027							-	-		Đang nghiên cứu cơ hội đầu tư
-	Xây dựng trụ sở làm việc mới của BSR	Quảng Ngãi	35000m2	2023-2027	2027							0,4	0,4		Đang chờ UBND tỉnh Quảng Ngãi đền bù, tạo mặt bằng sạch trước khi đấu giá. Thanh toán chi phí BC nghiên cứu tiền khả thi
-	Lắp đặt hệ thống thiết bị gia nhiệt không khí (APH) cho lò đốt H-1101 của phân xưởng CDU	NMLD	hệ thống	2025-2026	2026							-	-		Dừng thực hiện đầu tư
-	Dự án đầu tư cải tiến hệ thống hiện hữu để nhập, phối trộn và xuất bán sản phẩm nhiên liệu hàng không bền vững (SAF)	NMLD	hệ thống	2025-2027	2027							-	-		Đang nghiên cứu cơ hội đầu tư



Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch 2025 điều chỉnh			Ghi chú
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng số	Trong đó					
										Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Tổng số	Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
-	Nâng cấp các bể chứa TK-5215A/B và TK-5203A/B (Cải tiến bể chứa hiện hữu chứa cầu từ phối trộn xăng và sản phẩm xăng phối trộn)	NMLD	1 Bể sản phẩm Xăng	2023-2026	2026							1,9	1,9		Đang lập BC NCKT, thanh toán 80% chi phí tư vấn lập BC NCKT + * chi phí thẩm tra
3	Dự án nhóm C											-	-		
-	Xây dựng nhà kho mới thay thế nhà kho vật tư P1 (Nhà kho dự án TPC cũ)	NMLD	3400m2	2025	2026							-	-		Dừng thực hiện do đã có trong dự án NCMR
-	Cải tiến tường chắn, hộ lan, cống/chốt kiểm soát tại khu vực cầu T6 tuyến ống dẫn sản phẩm NMLD Dung Quất (giai đoạn 1)	NMLD	5000md	2025	2026							-	-		Giãn dừng chuyển sang thực hiện năm 2026; tiết giảm chi phí.
-	Lắp đặt bộ sung máy cấp khí cho hệ thống Sealing và Scavenging của WHB và Economizer	NMLD	hệ thống	2025	2026							-	-		Đang nghiên cứu cơ hội đầu tư
-	Cải tiến nâng cấp hệ thống phối trộn dầu thô	NMLD	hệ thống	2025	2026							-	-		Đang nghiên cứu cơ hội đầu tư
B	Mua sắm TTB và tài sản cố định											221,6	221,6		
I	Các hạng mục chuyển tiếp 2024								213,5	213,5		154,3	154,3		
1	Hạng mục mua sắm lập dự án đầu tư											-	-		
2	Hạng mục mua sắm thông thường (theo hình thức đơn hàng/dự toán)								213,5	213,5		154,3	154,3		
2.1	Mua sắm TSCĐ + trang thiết bị phục vụ sản xuất								16,5	16,5		12,3	12,3		
2.2	Mua sắm TSCĐ + Trang thiết bị phục vụ thí nghiệm								68,4	68,4		54,7	54,7		
2.3	Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác ATMT&PCCC								7,6	7,6		6,6	6,6		
2.4	Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác BDSC								85,5	85,5		61,7	61,7		



Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian		Tổng mức đầu tư/Dự toán được duyệt						Kế hoạch 2025 điều chỉnh			Ghi chú
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định	Ngày tháng duyệt	Cơ quan duyệt	Tổng số	Trong đó					
										Vốn chủ sở hữu của đơn vị	Vốn vay + khác	Tổng số	Trong đó		
													Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2.5	Mua sắm TSCĐ + Phần mềm/hệ thống IT công nghiệp và văn phòng								22,5	22,5		13,1	13,1		
2.6	Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác quản lý cảng biển								13,0	13,0		5,8	5,8		
II	Hạng mục mua sắm mới trong năm 2025								201,3	201,3		56,8	56,8		
1	Hạng mục mua sắm lập dự án đầu tư														
2	Hạng mục mua sắm thông thường (theo hình thức đơn hàng/dự toán)								201,3	201,3		56,8	56,8		
2.1	Mua sắm TSCĐ + trang thiết bị phục vụ sản xuất								3,1	3,1		0,8	0,8		
2.2	Mua sắm TSCĐ + Trang thiết bị phục vụ thí nghiệm								37,7	37,7		11,3	11,3		
2.3	Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác ATMT&PCCC								13,7	13,7		5,7	5,7		
2.4	Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác BDSC								51,6	51,6		11,0	11,0		
2.5	Mua sắm TSCĐ +Trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra thiết bị								3,9	3,9		1,1	1,1		
2.6	Mua sắm TSCĐ + Phần mềm/hệ thống ERP + CNTT								65,3	65,3		27,0	27,0		
2.7	Mua sắm TSCĐ + Phần mềm/hệ thống IT công nghiệp và văn phòng								26,0	26,0					
III	Dự phòng											10,5	10,5		

